

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH P**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2022/DS - PT

Ngày 07 - 9 - 2022

“ Tranh chấp quyền
sử dụng đất”.

**NH DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH P

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn T Sơn

Các Thẩm phán:

Bà Lê Thị Thu H.

Bà Điều Thị Bích Lược

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Hồng Đăng – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh P.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Kim Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh P tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ L số: 39/2022/TLPT- DS ngày 01 tháng 6 năm 2022 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”. Do bản án dân sự sơ thẩm số:01/2022/DS-ST ngày 17/02/2022 Tòa án nhân dân Huyện T bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 30A/2022/QĐPT- DS ngày 06 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: Bà Đinh Thị L, sinh năm 1949. Địa chỉ: Khu 10, xã T, Huyện T, tỉnh P (Có mặt).

+ Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Bùi Đức D – Trợ giúp viên pháp L – Trung tâm trợ giúp PL nhà nước tỉnh P (có mặt).

2. Bị đơn: Anh Đinh Đức T, sinh năm: 1974 và chị Nguyễn Thị T - sinh năm: 1973. Điều trú tại: Khu 10, xã T, Huyện T, P.

+ Người đại diện theo ủy quyền cho anh T và chị T là ông Đinh Văn Dực, sinh năm

1949. Địa chỉ: Khu 8, xã T, Huyện T, tỉnh P (xin vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- UBND Hện TH Sơn, tỉnh Phú Thọ: Đại diện theo ủy quyền: Ông Đặng Tiến D - Trưởng Phòng TNMT Hện T, tỉnh P (xin xét xử vắng mặt).

+ Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Tòa án không triệu tập:

- UBND xã T, Huyện T, tỉnh P: Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đinh Quốc T - Phó chủ tịch UBND xã T, Huyện T

- Chi cục thi hành án Dân sự Huyện T, tỉnh P: Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Quang Lâm - Chức vụ: Phó Chi cục trưởng.

- Anh Đinh Đức H, Sinh năm 1987. Địa chỉ: Khu 8, xã T, Huyện T, tỉnh P.

- Anh Đinh Văn H, Sinh năm: 1978 và chị Đinh Thị H - sn 1983.

- Anh Doãn Văn Đ, sinh năm 1983 (không triệu tập nhưng có mặt).

- Anh Đinh Văn C, sinh năm 1968 (không triệu tập nhưng có mặt).

- Anh Đinh Văn T, sinh năm 1976.

- Chị Đinh Thị H, sinh năm 1970. Người đại diện theo ủy quyền cho chị Đinh Thị H là bà Đinh Thị L, sinh năm 1949.

- Ông Đinh Minh H, sinh năm 1947.

- Anh Đinh Mạnh H, sinh năm 1989.

Đều có địa chỉ: Khu 10, xã T, Huyện T, tỉnh P

- Chị Đinh Thị Hn, sinh năm 1992. Địa chỉ: Khu 7, xã C, Huyện T, tỉnh P (Người đại diện theo ủy quyền cho ông H, chị Hn là anh Đinh Mạnh H, sinh năm 1989. Địa chỉ: Khu 10, xã T, Huyện T, tỉnh P).

4. Người kháng cáo: Bà Đinh Thị L – nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Đinh Thị L trình bày: Trước đây bà có diện tích 534,7m² đất, nhưng anh T khởi kiện trước đòi bà trả lại, anh T đã được Tòa án chấp nhận, bản án phúc thẩm của Tòa án tỉnh P có hiệu lực pháp luật và bà đã phải giao diện tích đất trên cho anh T (qua cơ quan thi hành án).

Về nguồn gốc sử dụng diện tích đất 534,7m², từ tháng 10/1968 do bà Đinh Thị H H lại cho bà L sử dụng, khi H cho bà thì bà H không lập văn bản gì. Bà L đã sử dụng liên tục từ năm 1968 đến năm 2007 xảy ra tranh chấp với anh Đinh Đức T. Anh T đã làm đơn khởi kiện cho rằng bà lấn chiếm phần diện tích đất, theo bà là không đúng vì theo biên bản ngày 28/3/2008 về xác minh ranh giới đất thổ cư, biên

bản đã xác định đúng vị trí ranh giới phần đất mà hai hộ đang sử dụng, gia đình anh Tthiếu 105m² so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà anh Tđã được cấp năm 1998. Phần đất thiếu của gia đình anh Ttheo bà là do địa chính đo đạc sai chứ không phải do bà lấn chiếm. Theo bà Bản án của Tòa án nH dân Huyện T năm 2008 và bản án phúc thẩm tỉnh P buộc bà phải trả lại cho anh Đinh Đức Tphần diện tích 534,7m² đất là do tại sơ đồ đo đạc kiểm tra thực địa cán bộ đo đạc, tự điều chỉnh cho anh Tcó 312m² đất về phía đuôi vườn nhà anh Tgiáp bờ ao nhà bà là đất Hng, nên đất nhà anh Tbị thiếu so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và cho rằng nhà bà lấn chiếm, buộc bà phải trả lại cho nhà anh T. Cơ quan THADS đã cưỡng chế thi hành án xong. Sau đó bà tiếp tục khiếu nại lên TAND tối cao và TAND tối cao đã hủy cả hai Bản án sơ thẩm và Bản án phúc thẩm.

Phần đất này trước khi anh Tkhởi kiện, có một phần đất gia đình bà trồng sản theo thời vụ và một phần ao. Sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật đã cưỡng chế thi hành án xong, anh Tlấp một phần ao của gia đình bà và phần còn lại anh sử dụng đến nay.

Nay bà Đinh Thị L yêu cầu anh Tvà chị T phải trả lại cho bà 534,7m² đất và trả lại hiện trạng phần ao đã bị lấp cho gia đình bà, đề nghị Tòa án có văn bản kiến nghị thu hồi, hủy GCNQSDĐ số: BC 806936 cấp ngày 19/8/2010 cho anh Đinh Đức H và GCNQSDĐ số: BC 806935 cấp ngày 19/8/2010 cho anh Đinh Văn H (BL 50).

*** Bị đơn anh Đinh Đức T, chị Nguyễn Thị T trình bày:**

Anh Tvà chị T đều khẳng định nguồn gốc đất hiện nay vợ chồng anh đang sử dụng được bố mẹ anh là ông Đinh Văn Dực, bà Đinh Thị Điền cho vợ chồng anh từ năm 1997, đến năm 1998 đã được UBND Huyện T cấp GCNQSD đất, sau khi được cấp GCNQSD đất vợ chồng anh sử dụng ổn định đến năm 2010 vợ chồng anh làm nhà và có đổi đất cho anh Đinh Văn H, vợ Đinh Thị H theo chiều mặt đường QL70B khoảng 2m đến 3m, còn vợ chồng anh H chị H lấy phần đất phía sau giáp ruộng, hai bên tự nguyện đổi không lập giấy tờ văn bản, sau khi đổi hai bên sử dụng ổn định từ đó đến nay không tranh chấp gì. Nay bà Đinh Thị L khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh chị trả lại 534,7m² đất anh chị không đồng ý.

+ **Người đại diện theo ủy quyền cho anh Tvà chị T là ông Đinh Văn Dtrình bày:** Về nguồn gốc phần diện tích 534,7m² đất bà L đang tranh chấp với anh Đinh Đức T, chị Nguyễn Thị T có một phần là do bố ông để lại, còn một phần là đất của bà H. Năm 1968 bà H H đi chỗ khác không sử dụng nữa thì bố chồng bà L và bố ông Dtự chia nhau sử dụng mỗi người một phần, chỉ thống nhất qua lời nói,

không có văn bản gì. Mốc giới hai gia đình thống nhất tự chia nhau hiện nay còn cây cọ ở giữa hai nhà làm ranh giới ở phía đồng ao xóm Tể ra đầu ngoài là cột điện giáp đường quốc lộ. Sau khi chia nhau gia đình ông D sử dụng cùng phần đất của gia đình từ đó. Đến năm 1983, gia đình ông cho bà L mượn một phần đất giáp đất bà L. Năm 1998, ông D kê khai làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận QSDĐ tên anh Đinh Đức T, diện tích 1.348m² trong đó có cả phần diện tích đất bà H để lại hai hộ đã chia nhau. Bà Đinh Thị L cũng được cấp chứng nhận QSDĐ cùng thời điểm anh T. Năm 2007 thì bà L tự ý bán 248m² đất trong phần đất 1.348m² mà anh T đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho “*anh Đinh Đức T – sinh năm ở cùng xóm với anh T, bà L*”. Khi đó anh T đi làm ăn, thời điểm đó bà L đang là cán bộ xã đã hướng dẫn vợ anh T là chị T viết giấy H nhượng đất. Do lúc đó GCNQSDĐ đang thế chấp tại ngân hàng nên bà L đưa chị T lên ngân hàng trả 6.000.000đ để lấy bìa đỏ về cho bà L mượn (BL100-102). Sau khi ông D biết bà L lừa mượn bìa để bán đất, ông D đề nghị UBND xã T dừng lại nên bà L đã không bán được đất. Đến năm 2008 anh T đi làm ăn về nên mới khởi kiện và Tòa án đã giải quyết đã buộc bà L phải trả lại cho anh T 534,7m² đất, bản án có hiệu lực và thi hành án xong. Phần đất đó là phần đất của gia đình anh T, đã được cấp GCNQSDĐ đất, năm 2010 anh T đã chia đất cho hai em là Đinh Văn H, chị Đinh Thị H và Đinh Đức H. Do vậy anh T, chị T không đồng ý yêu cầu của bà L.

* ***Người đại diện cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên*** quan là anh Đinh Đức H, chị Đinh Thị H, anh Đinh Văn H trình bày: Đồng ý với ý kiến của ông D về nguồn gốc thửa đất bà L đang tranh chấp. Năm 2010 anh H, chị H, anh H đã được anh trai là Đinh Đức TH nhượng cho một phần diện tích đất ở. Sau khi hoàn tất thủ tục H nhượng đã được cấp GCNQSDĐ thừa tên Đinh Văn H và Đinh Thị H có diện tích 330m², 01 thửa tên Đinh Đức H, diện tích 296m², liền kề thửa đất bà L. Sau khi được cấp GCNQSDĐ đất anh H và anh H đã sử dụng từ đó đến nay. Bà Đinh Thị L khởi kiện anh chị đều không nhất trí với yêu cầu của bà L.

Chị Đinh Thị H trình bày: Theo chính sách nhà nước đối với hộ nghèo được hỗ trợ làm xóa nhà tạm. Năm 2010 chị được ưu ái chính sách đối với gia đình với điều kiện chị chưa có đất ở, nên mẹ chị là bà Đinh Thị L cùng các anh em thống nhất cho chị một mảnh đất trên thửa đất ông bà nội trao tặng cho bố mẹ chị. Diện tích của chị chưa rõ vì chưa làm thủ tục được do đất có tranh chấp.

Anh Đinh Văn C trình bày: Anh là con trai cả của bà L, nguồn gốc đất hiện nay anh đang ở là do bố mẹ anh cho, mẹ anh tự đi làm thủ tục để tách bìa cho anh, sau đó anh được cấp GCNQSDĐ. Hiện nay mẹ anh đang sinh sống cùng anh. Năm

2007 anh có xây dựng nhà ở và công trình phụ kiên cố. Anh đồng ý với biên bản thẩm định tại chỗ ngày 11/6/2019, anh không ý kiến gì. Anh không yêu cầu Tòa án định giá tài sản đối với khối tài sản của anh.

Anh Đinh Văn T trình bày: Anh là con trai thứ tư của bà L, năm 2006 anh ra ở riêng, nguồn gốc anh đang ở là năm 2006 mẹ anh cho một phần đất khoảng 120m², phía giáp ruộng. Phần đất còn lại là do vợ chồng anh khai Hng. Thời điểm mẹ anh cho đất không có giấy tờ gì chỉ nói bằng miệng, hiện nay anh đã xây dựng nhà ở kiên cố, anh không yêu cầu Tòa án định giá tài sản đối với tài sản anh đã xây dựng. Anh đồng ý với biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 11/6/2019.

Ông Đinh Minh H trình bày: Nguồn gốc đất của bố mẹ ông để lại cho ông từ năm 1965, sau đó ông bàn giao cho con trai là anh Đinh Văn H và vợ Đinh Thị H, ông được biết trong thời gian vợ chồng anh H sử dụng có đổi đất cho anh Đinh Đức Tvà vợ là T, hai bên đổi đất chỉ nói miệng với nhau không có giấy tờ gì, còn việc hai bên đổi đất với nhau thế nào, diện tích bao nhiêu ông không biết, sau khi anh H và vợ chồng anh T đổi đất cho nhau đã sử dụng ổn định không có tranh chấp gì. Vợ chồng anh H chết do tai nạn giao thông, thừa đất hiện nay là do anh Đinh Mạnh H con trai anh H quản L không tranh chấp gì với ai. Vợ ông là bà Đinh Thị Mùi đã chết năm 2014 do ốm đau bệnh tật. Nay ông không có ý kiến gì (BL 568).

Anh Đinh Mạnh H trình bày: Nguồn gốc thừa đất như ông H đã trình bày. Hiện nay anh đang làm thủ tục sang tên GCNQSD đất trên từ tên bố mẹ anh sang tên anh nhưng chưa làm xong. Diện tích thừa đất từ khi anh sử dụng đến nay không có sự biến động mua bán gì. Sau khi bố mẹ anh chết anh là người sử dụng thừa đất này từ đó đến nay không tranh chấp. Anh không tham gia tố tụng cũng như phiên tòa xét xử được nên đề nghị giải quyết vắng mặt anh(BL124).

Chị Đinh Thị Hn trình bày: Chị là con gái ông Đinh Văn H, anh trai chị là Đinh Mạnh H quản L và sử dụng đất của bố mẹ, chị không có ý kiến gì. Còn việc bố mẹ chị khi còn sống có đổi đất cho anh Đinh Đức T, hai bên đổi ở vị trí nào và diện tích bao nhiêu chị không biết. Do điều kiện chị đi làm ăn xa không về được, nên đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt chị theo quy định của pháp luật.

Anh Doãn Văn Đ trình bày: Năm 2011 anh có mua đất của bà L, chiều rộng theo mặt đường là 7m, chiều sâu hết đất là 40m, giá H nhượng thời điểm đó là 63.000.000 đồng. Khi mua bán đất hai bên có làm hồ sơ đầy đủ, cũng năm 2011 anh làm hồ sơ và được cấp GCNQSDĐ, anh vẫn đang sử dụng ổn định không có tranh chấp gì. Hiện nay trên đất anh đang sử dụng và xây nhà cửa, công trình phụ

kiên cố, không yêu cầu Tòa án định giá khối tài sản. Anh đồng ý với biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 11/6/2019 không ý kiến gì.

+ **UBND Huyện T trình bày:** Năm 1998, anh Đinh Đức T và chị Nguyễn Thị T được công nhận đất do đã có thời gian sử dụng đất ổn định lâu dài. Năm 2010, sau khi có kết quả thi hành án của Chi cục thi hành án dân sự Huyện T, anh T, chị T H nhượng một phần QSDĐ cho hai em là Đinh Văn H và Đinh Đức H. Anh H, anh H đã được cấp GCNQSD đất năm 2010. Việc lập hồ sơ cấp GCNQSD đất cho anh Đinh Đức T, vợ là Nguyễn Thị T, anh Đinh Văn H và Đinh Đức H đều đúng trình tự qui định của pháp luật.

+ **Chi cục thi hành án Huyện T:** Người đại diện theo ủy quyền của Chi cục Thi hành án Dân sự Huyện T cung cấp như sau:

Căn cứ Bản án Phúc thẩm số 62/DS-PT ngày 09/8/2008 TAND tỉnh P. Bản án sơ thẩm số 03/DS-ST ngày 19/6/2008 của TAND Huyện T. Sau khi hết phục tặc người phải thi hành án tự nguyện thi hành án không thành. Ngày 12/3/2009 Chi cục thi hành án dân sự Huyện T tổ chức cưỡng chế phân diện tích đất trên giao cho ông T.

UBND xã T, Huyện T trình bày: Năm 1998, hộ bà L và anh T đều được Nhà nước cấp GCNQSD đất theo bản đồ 299. Đất hộ bà L diện tích cấp theo GCNQSD đất = $1.790m^2$, có chiều dài theo đường Quốc lộ 70B (trước là đường 316) = 33,5m. Đất hộ anh T đứng tên GCNQSD đất, diện tích $1.348 m^2$ có chiều dài theo đường QL70B = 35m. Đất hộ ông H có chiều dài theo đường QL 70B = 37m; Đường đất, một bên giáp đất bà L, một bên giáp T tiểu học xã T có chiều rộng 4m theo Bản đồ 299.

Biên bản xác minh bổ sung vào các ngày 08/12/2020 và ngày 10/02/2021 tại UBND xã T thể hiện: - Hiện tại thửa đất của anh T con trai bà Đinh Thị L đang sử dụng nằm trong GCNQSD đất của bà Đinh Thị L. Thửa đất hiện nay anh T đang sử dụng chưa được cấp GCNQSD đất.

- Thửa đất của bà Đinh Thị L liền kề với thửa đất của anh Đinh Đức T, hai bên không xây tường bao, không có ranh giới cụ thể, khi bà H H đi nơi khác ở thì bố chồng bà L và bố đẻ ông D hai người tự chia nhau thửa đất này, khi đó có cây cọ ở phía cuối thửa đất giáp ruộng, nên hai ông lấy cây cọ đó làm mốc giới để chia nhau thửa đất này, hiện nay cây cọ vẫn còn. Khi hai ông chia nhau thửa đất này không có giấy tờ, văn bản gì lưu lại làm căn cứ nên UBND xã không có tài liệu cung cấp cho Tòa án (BL 521).

- Theo bản đồ 299 thửa đất của bà L có cạnh mặt đường là 33,5m, nhưng theo trích đo địa chính hiện trạng sử dụng đất thì cạnh mặt đường đo thực tế thửa đất bà L là 32,45m, nên cạnh mặt đường thửa đất bà L bị thiếu so với bản đồ 299 là 1,05m theo quan điểm UBND xã T là do công tác đo đạc tại thời điểm là đo thủ công, sau khi đo đạc bằng máy móc nên có sự sai số liệu như trên.

- Việc đổi đất giữa gia đình ông H và gia đình anh T thì cán bộ địa chính và UBND xã không biết vì không có giấy tờ gì trình UBND xã xác nhận, nên việc các hộ có đổi đất với nhau hay không, vị trí, diện tích đổi như thế nào thì UBND xã không biết (BL 531).

- Việc lỗi đi cũ của gia đình bà Đinh Thị L không còn nữa, hiện nay gia đình bà L và anh C đã xây nhà trên đó, còn việc móng nhà và nền nhà cũ hiện nay không xác định được, khi xây nhà các bên đã làm thay đổi hiện trạng ban đầu nên UBND xã không có tài liệu để cung cấp cho Tòa án (BL 532).

- Theo tài liệu giao nộp của bà Đinh Thị L có đơn xin cam kết sử dụng đất ngày 10/11/1996 có nội dung bà L đồng ý nhận số đất theo bản đồ số 04, thửa đất số 06, diện tích 3.065m². Nay bà L làm đơn xin nhận một nửa diện tích là 1.532m² chưa tính hành lang quốc lộ. UBND xã cho biết diện tích đất này không có trong bản đồ 299, không có trong sổ địa chính xã quản L, nên UBND xã không có quan điểm về thửa đất này.

- Sau khi kiểm tra không có trong bản đồ 299 mà chỉ thể hiện thửa đất số 11, tờ bản đồ số 33, diện tích 1.790m². Hộ bà Đinh Thị L được cấp GCNQSD đất lần đầu năm 1998 hiện nay bà L đang sử dụng (BL 522).

- Công tác đo đạc đất đai vào thời điểm năm 1998 là đo, vẽ thủ công. Sau khi kiểm tra lại đo đạc bằng máy móc nên có sự chênh lệch so với hiện trạng thửa đất của các hộ gia đình. Đối với diện tích đất bà Đinh Thị L phải thi hành trả lại cho anh Đinh Đức T, chị T là 534,7m². Khi giao đất cho anh T thì anh T nhận đủ, còn diện tích đất anh H, anh H đang sử dụng thực tế là 729,7m² là do anh T cho thêm phần đất của anh T, nên có biến động về diện tích đất anh H, anh H đang sử dụng (BL 530).

- Biên bản xác minh ngày 17/03/2021 tại khu 8 xã T anh Đinh Công Tiến (Con trai bà H) cung cấp cho Tòa án như sau:

Bố mẹ anh sinh ra 06 người con, có 03 người con đang làm ăn, sinh sống tại Miền nam và 03 người ở Miền bắc. Trong đó có 01 người đã chết. Hiện nay anh đang sinh sống tại xã T, Huyện T, khi anh sinh ra và lớn lên thấy bố mẹ anh ở trên mảnh đất đó, đến khoảng thập kỷ 60, anh không nhớ rõ năm nào thì gia đình anh H

đi ở nơi khác, khi gia đình anh H đi thửa đất này không bàn giao cho ai, không mua bán với ai. Khi đó có bà Đinh Thị L và ông Đinh Văn Hai bên thửa đất của gia đình anh, sau khi gia đình H đến ở khu 8 xã T thì bà L và ông D cùng chia nhau sử dụng. Đến năm 2016 bà H chết, trước khi chết bà H không bàn giao, không bán đất cho ai.

- Biên bản xác minh ngày 24/03/2021 tại khu 8 xã T cung cấp cho Tòa án như sau:

Ngày 11/6/2021 Tòa án nH dân Huyện T nhận được Công văn số 867/UBND-TNMT và Ngày 30/8/2021 nhận được công văn trả lời số 1328/ UBND – TNMT của UBND Huyện T cung cấp tài liệu cho Tòa án nH dân Huyện T về hồ sơ cấp GCNQSD đất của bà L và anh T cụ thể:

Hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Đinh Thị L. GCNQSD đất số M 121519, sổ vào sổ 00547 ngày cấp 10/6/1998 thửa số 61, tờ bản đồ số 33, diện tích 1.790m². Sổ cấp GCNQSD đất có tên Đinh Thị L; sổ mục kê đất xã T trang 75, quyền số 3; sổ địa chính xã T trang 62, quyền số 02; tờ bản đồ số 33, thửa đất số 61.

Hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đinh Đức T. GCNQSD đất số A 984434, sổ vào sổ 00426 ngày cấp 10/6/1998, thửa số 62, tờ bản đồ số 33, diện tích 1.348m². Sổ cấp GCNQSD đất có tên Đinh Đức T; sổ mục kê đất xã T trang 75, trang 77, quyền số 3; sổ địa chính xã T trang 162, quyền số 03; bản đồ số 33, thửa đất số 62.

+ **Tại bản án dân sự** sơ thẩm số: 01/2022/DS-ST ngày 17/02/2022 TAND Huyện T áp dụng: Khoản 2 Điều 221 của Bộ luật Dân sự. Khoản 5 Điều 166, Điều 170; Khoản 1 Điều 203 - Luật đất đai 2014. Khoản 1 Điều 147; Khoản 1 Điều 157; Khoản 1, Điều 165, Điều 271; Khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về Án phí và Lệ phí Tòa án.

+ Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị L về việc buộc anh Đinh Đức T và chị Nguyễn Thị T trả lại diện tích 534,7 m² đất mà Chi cục Thi hành án Dân sự Huyện T cưỡng chế của gia đình bà và đề nghị Tòa án nH dân Huyện T kiến nghị UBND Huyện T thu hồi tiêu hủy giấy chứng nhận QSD đất số BC: 806935 mà UBND Huyện T cấp cho anh Đinh Văn H và chị Đinh Thị H ngày 19/8/2010 và Giấy chứng nhận QSD đất số BC: 806936 mà UBND Huyện T cấp cho anh Đinh Đức H ngày 19/8/2010. Địa chỉ: Khu 10, xã T, Huyện T, tỉnh P. Ngoài ra bản án còn tuyên án phí, chi phí tố tụng, tuyên quyền kháng cáo.

+ Ngày 01/3/2022 Tòa án nH dân Huyện T nhận đơn kháng cáo của bà Đinh Thị L với nội dung: Không đồng ý với bản án sơ thẩm (BL 697,698).

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ L vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án: Bác kháng cáo của bà Đinh Thị L, giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét về nội dung đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm vì trước đây anh Đinh Đức T đã khởi kiện và buộc bà phải giao trả 534 m² đất theo hai bản án sơ thẩm và phúc thẩm của tỉnh P, đất đã được giao cho anh T. Nay cả hai bản án sơ thẩm và phúc thẩm đã bị hủy, vậy là quyền sử dụng đất vẫn của bà, bà đòi lại thông qua vụ kiện mà không được tòa án T chấp nhận. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: Vụ án đã qua nhiều lần xét xử, các lần xét xử sau đã khắc phục được các thiếu sót của lần trước, lần này bà L kháng cáo duy nhất với nội dung 534 m² đất bà đã quản L, sử dụng trong nhiều năm thì thuộc quyền sử dụng của bà. Hội đồng xét xử thấy rằng: Đúng là trước đây có một phần đất của bà H để lại mà không giao cho ai, tuy trong hồ sơ có một giấy H nhượng đất từ bà H cho bà L nhưng các con bà H lại xác định không giao đất này cho ai. Bà L lúc thì khai có giấy H nhượng, khi lại khai không có giấy H nhượng. Tại phiên tòa hôm nay, bà L trình bày: Khi xảy ra tranh chấp, bà H bảo bà viết bà H xác nhận cho (bà H không biết chữ - BL 170,171, 702..). Anh Đinh Công Tiến và anh Đinh Văn Thảo – con trai bà H lại xác định khi gia đình anh H đi nơi khác không bàn giao, mua bán với ai, riêng anh Thảo xác định bà L có canh tác trên diện tích đất trước đây của gia đình anh đã H đi nơi khác...(BL 499, 535,536).

+ Trước hết xác định về nguồn gốc đất: Vụ án đã qua nhiều cấp xét xử, đã xác định hai gia đình bà L và anh T đều có diện tích đất giáp với phần đất của hộ bà H, từ năm 1968 bà H không sử dụng (theo bà L trình bày thì bà L đã sử dụng diện tích đất này và một giấy H nhượng đất từ bà H cho bà L, giấy ghi ngày 15/6 không ghi có năm (BL 170). Gia đình anh T (ông D cũng trình bày gia đình ông được cấp

Giấy chứng nhận và đã sử dụng đất từ lâu (BL 41,113). Năm 1998 cả hộ bà L và hộ anh T đều được cấp GCNQSD đất (diện tích đất của bà H không còn được thể hiện nữa). Năm 2008 gia đình anh T khởi kiện về việc bà L lấn chiếm đất.

+ Về căn cứ pháp L: Cả hai hộ đều được cấp GCNQSD đất từ năm 1998 không có khiếu kiện, thắc mắc gì tại thời điểm cấp GCNQSD đất. Theo đại diện của UBND Huyện T thời điểm cấp GCNQSD đất cấp theo đúng quy định. Theo hồ sơ cấp GCNQSD đất, đất của hộ bà L có cạnh chiều dài mặt giáp mặt đường quốc lộ 70B là 33m (trước đây là đường 316), còn cạnh chiều dài giáp mặt đường quốc lộ 70B đất của hộ anh T là 35m, tổng là 68m.

+ Đo thực tế cạnh chiều dài hộ bà L là 32,45m + cạnh chiều dài của hộ anh T 31,5m. Tổng là 63,95m (BL 586).

+ Xác định mốc giới thực tế: Qua xác minh về tổng chiều dài của hai thửa đất bà L và anh T. Trước hết xác định điểm đầu phần đất của gia đình bà L đã được anh T (con bà L) xây tường rào (giáp với con đường đi ra đồng ruộng rộng 4m) do đó điểm này đã được cố định.

+ Điểm cuối của đất hộ anh T là một trụ xây bên trên có biểu tượng H sen (giáp với đất ông H). Do đó, điểm mốc này cũng được cố định.

+ Còn danh giới giữa hộ bà L và anh T đã được cả hai bên thống nhất từ cột điện (điểm giáp đường quốc lộ 70B), điểm cuối phía trong là cây cọ. (Tại phiên tòa hôm nay cũng như nhiều phiên tòa khác bà L, ông D cũng thừa nhận).

+ Tại phiên tòa hôm nay, anh Đinh Văn C (con trai bà L) cũng thừa nhận ranh giới giữa hai nhà có một lối đi nhỏ từ cột điện thẳng ra cây cọ cuối đất, có từ khi anh còn nhỏ. Hội đồng xét xử thấy hiện nay đo thực tế vẫn lấy hai điểm mốc nêu trên để đo, đây là vấn đề mấu chốt để xác định diện tích đất của hai gia đình đã thống nhất được ranh giới.

+ Xét về diện tích đất hiện tại của hai hộ đều tăng nhưng tăng chủ yếu về phía sau lấn vào đất ruộng lúa còn kích thước theo chiều dài mặt đường không có nhiều thay đổi, đặc biệt chiều dài của đất bà L (theo mặt đường quốc lộ) chỉ thiếu 55cm sau hơn 20 năm kể từ khi được cấp GCNQSD đất (BL 141,564, 586).

+ Tại phiên tòa hôm nay, bà L trình bày vẫn nhất trí với số đo và mốc giới tại phiên thẩm định ngày 08/02/2021 nhưng bà đề nghị được thẩm định lại phải có đầy đủ các ban ngành và những người cao tuổi biết về lịch sử đất này. Hội đồng xét xử thấy bà đã nhất trí số đo, nhất trí ranh giới, nhiều người cũng xác nhận cho bà là đã sử dụng diện tích đất này, có một điều bà sử dụng cụ thể đến đâu, ranh giới ra sao thì chưa ai xác định cho bà, chính bản thân bà cùng con trai đã xác định ranh

giới. Còn gia đình anh Tcũng trình bày có sử dụng đất, bản tH bà L khai tại phiên tòa bà cũng mượn đất của anh Tđể sử dụng, bà L khai: “...tôi về ở từ năm 1966, nhà ông Dcũng ở đó và có nhà, năm 1975 ông DH đi, HTX lấy đất dựng nhà trẻ, năm 1983 giải tán nhà trẻ, không ai ở, bà mượn 1348 m2 đất anh Ttrồng chuối, năm 1993 trả, cán bộ địa chính nói là đất của anh T. Anh Tvề ở trên đất khoảng năm 1997 khi được giao đất...”. Như vậy chính lời khai của bà L cũng xác định gia đình anh Tcũng sử dụng đất trong nhiều năm và được cấp Giấy CNQSDĐ ngày 10/6/1998, do đó không phải đất anh Tbỏ không sử dụng trên 30 năm như bà L trình bày. Hội đồng xét xử chỉ căn cứ cạnh chiều dài theo mặt đường quốc lộ đất của hai hộ để xem xét là chính, còn chiều sâu vào phí trong và các cạnh phía trong do có đất ruộng, các hộ đều có số đo lớn hơn so với Giấy CNQSDĐ đã được cấp là do các hộ lấn ra ruộng nên không thể xem xét các cạnh phía sau là phù hợp (bà L cũng xác định phía sau là đất ruộng). Như vậy không có cơ sở để đo lại đất theo đề nghị của bà L.

+ Bà L còn trình bày phần đất của gia đình bà trước đây chéo, không vuông góc như hiện nay và “có lối đi từ giữa đất anh T đến T học”, nay vuông góc nên diện tích đất tăng lên. Hội đồng xét xử thấy rằng nội dung này cũng đã được xác minh, nay lối đi này không còn, nên móng nhà anh T đã xây dựng nên không thể xem xét có lối đi này, vả lại bà L đã được cấp Giấy CNQSDĐ từ năm 1998, sơ đồ đất tại vị trí này là vuông góc, do đó không có căn cứ như bà L đã nêu.

+ Bà L đã H nhượng cho anh Doãn Văn Đ và con gái là Đinh Thị H mà tính tổng diện tích đất của bà L không bị thiếu, do đó không có căn cứ để chấp nhận đơn khởi kiện của bà L như cấp sơ thẩm đã tuyên là phù hợp. Do đó, kháng cáo của bà L cũng như đề nghị của Trợ giúp pháp L tại phiên tòa hôm nay là không được chấp nhận.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, vị đại diện VKSND tỉnh P đề nghị không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên án sơ thẩm là phù hợp.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà L kháng cáo không được chấp nhận thì phải chịu án phí, tuy nhiên bà là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí vì nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng Khoản 2 Điều 221 Bộ luật Dân sự. Khoản 5 Điều 166, Điều 170;

Khoản 1 Điều 203 Luật đất đai 2014. Khoản 1 Điều 147; Khoản 1 Điều 157; Khoản 1, Điều 165, Điều 271; Khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về Án phí và Lệ phí Tòa án.

+ Bác đơn kháng cáo của bà Đinh Thị L, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

+ Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị L về việc: *buộc anh Đinh Đức T và chị Nguyễn Thị T trả lại diện tích 534,7 m² đất mà Chi cục Thi hành án Dân sự Huyện T cưỡng chế của gia đình bà và đề nghị Tòa án nH dân Huyện T kiến nghị UBND Huyện T thu hồi tiêu hủy giấy chứng nhận QSD đất số BC: 806935 mà UBND Huyện T cấp cho anh Đinh Văn H và chị Đinh Thị H ngày 19/8/2010 và Giấy chứng nhận QSD đất số BC: 806936 mà UBND Huyện T cấp cho anh Đinh Đức H ngày 19/8/2010. Địa chỉ: Khu 10, xã T, Huyện T, tỉnh P.*

2. Về án phí phúc thẩm:

+ Miễn án phí phúc thẩm dân sự cho bà Đinh Thị L. Trả lại cho bà L 300.000đ theo biên lai thu số 0006731 ngày 07/3/2022 tại Chi cục Thi hành án Dân sự Huyện T.

- Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh P;
- TAND Huyện T;
- Chi cục THADS Huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ + VP;
- Lưu: án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn T Sơn

